

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/DS-ST
Ngày: 11 – 9 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Trí.
2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân là Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 627/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự dịch vụ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Trường X, sinh năm 1947.

Địa chỉ cư trú: Số 518, ấp 2, xã PN, huyện TN, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1988.

Địa chỉ cư trú: Số 178, ấp TP, xã TH, huyện TB, tỉnh ĐT.

- Người làm chứng:

1. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1964.

Địa chỉ cư trú: Số 08, Lô A2, khu dân cư ấp T, xã AP, huyện TB, tỉnh ĐT.

2. Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1955.

Địa chỉ cư trú: Số 187, ấp 3, xã AP, huyện TB, tỉnh ĐT.

Ông Lê Trường X có mặt tại phiên tòa; anh Nguyễn Văn A, ông Huỳnh Văn T, ông Dương Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Lê Trường X trình bày:

Ông Lê Trường X có ký các Hợp đồng kinh tế về việc cung cấp dịch vụ bơm nước tưới tiêu với Tổ hợp tác áp 3, xã AP, huyện TB, tỉnh ĐT. Theo Hợp đồng, ông X có nghĩa vụ nạo vét, gia cố, tu bổ hệ thống đường nước, công đập, bể tưới, bể tiêu và bơm nước tưới, tiêu cho Tổ hợp tác áp 3, xã AP, mức phí dịch vụ là 145.000 đồng/1.000m²(công). Trong đó, phần đất của anh Nguyễn Văn A quản lý, sử dụng do anh A cố của ông Dương Văn Đ diện tích là 4.500m² và ông Huỳnh Văn T diện tích là 1.300m², tổng cộng là 5.800m². Ông X đã thực hiện đúng nghĩa vụ bơm nước tưới, tiêu cho anh A từ vụ Đông Xuân năm 2017 đến hết năm 2019 là 06 mùa vụ, thành tiền là 5.046.000 đồng nhưng anh A không trả tiền phí dịch vụ cho ông X.

Ông Lê Trường X yêu cầu anh Nguyễn Văn A phải trả tiền phí dịch vụ bơm nước là 5.046.000 đồng (Năm triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Tại phiên tòa: Ông X xác định, theo các Hợp đồng kinh tế mà ông X ký kết với Tổ hợp tác áp 3, xã AP thể hiện phí bơm nước tưới, nước tiêu là 140.000 đồng/1.000m²(công)/vụ. Tại các cuộc họp về việc triển khai kế hoạch xuống giống vụ Đông Xuân giữa Tổ hợp tác, ông X với các hộ dân canh tác thể hiện ông X sẽ thu thêm tiền phí dịch vụ bơm nước là 10.000 đồng/1.000m²(công)/vụ. Tuy nhiên, anh A không tham gia họp và ký tên vào các Biên bản họp nên ông X chỉ thu tiền của anh A theo mức phí bơm nước thể hiện trong các Hợp đồng giữa ông X và Tổ hợp tác áp 3, xã AP là 140.000 đồng/1.000m²/vụ.

Nay ông Lê Trường X yêu cầu anh Nguyễn Văn A trả cho ông X phí dịch vụ bơm nước đối với diện tích 5.800m², trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2019 là 06 mùa vụ, với mức phí dịch vụ 140.000 đồng/1.000m²/vụ, thành tiền là 4.872.000 đồng (Bốn triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

- Bị đơn anh Nguyễn Văn A trình bày:

Vào khoảng năm 2012, anh Nguyễn Văn A có nhận cố đất của ông Huỳnh Văn T diện tích 1.300m². Khoảng năm 2015, anh Nguyễn Văn A có nhận cố đất của ông Dương Văn Đ diện tích 4.500m². Diện tích đất anh A nhận cố từ ông T và ông Đ có nằm trong ô bao do ông X bơm nước dịch vụ. Anh A có sử dụng nước dịch vụ bơm nước của ông X và có trả tiền phí dịch vụ bơm nước cho ông X nhưng không nhớ rõ là bao nhiêu.

Anh Nguyễn Văn A đồng ý trả cho ông X phí dịch vụ bơm nước đối với diện tích 1.300m² mà anh A nhận cố đất từ ông Huỳnh Văn T trong 06 mùa vụ.

- Người làm chứng ông Dương Văn Đ trình bày:

Trước năm 2017, ông Đ cho anh Nguyễn Văn A (Â) thuê diện tích 4.500m², từ năm 2017 đến nay, ông Đ đã cố cho anh A (Â) diện tích nêu trên. Diện tích đất ông Đ cố cho anh A (Â) thuộc ô bao do ông X bơm nước dịch vụ. Trước khi cho thuê và cố đất cho anh A thì ông Đ trực tiếp canh tác và có đóng phí bơm nước dịch vụ cho ông X. Việc tranh chấp giữa ông Lê Trường X và anh Nguyễn Văn A thì ông Đ không có ý kiến.

- Người làm chứng ông Huỳnh Văn T trình bày:

Từ năm 2017 đến năm 2019, ông T có cố cho anh A (Â) diện tích

1.300m². Diện tích đất mà ông T cõ cho anh A (A) thuộc ô bao do ông X bơm nước dịch vụ. Hiện nay, ông T đã chuộc lại diện tích đất nêu trên. Việc tranh chấp giữa ông Lê Trường X và anh Nguyễn Văn A thì ông T không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

- *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuyển bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn:* Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn và người làm chứng đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giải quyết vụ án:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trường X.

Buộc anh Nguyễn Văn A phải trả cho ông Lê Trường X số tiền 4.872.000 đồng (Bốn triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Hợp đồng kinh tế năm 2018, Hợp đồng kinh tế năm 2019 (Bản photo);
- Biên bản lấy lời khai của ông Dương Văn Đ ngày 07/7/2020.
- Biên bản lấy lời khai của ông Huỳnh Văn T ngày 07/7/2020.
- Biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Văn A ngày 16/7/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trường X và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự dịch vụ*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn A cư trú tại số 178, ấp TP, xã TH, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn A được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trường X về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn A trả cho ông X phí dịch vụ bơm nước tưới tiêu là 4.872.000 đồng (Bốn triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Xét thấy, sau khi thỏa thuận xong, giữa ông Lê Trường X và Tổ hợp tác ấp 3 đã ký các Hợp đồng kinh tế phục vụ bơm nước, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã AP, huyện TB. Tại thời điểm xác lập Hợp đồng, ông X và đại diện Tổ hợp tác ấp 3 có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật. Do đó, khi xác lập Hợp đồng thì ông X và đại diện Tổ hợp tác ấp 3 đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên các Hợp đồng kinh tế phục vụ bơm nước giữa ông X và Tổ hợp tác ấp 3 có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 117 của Bộ luật dân sự 2015.

Ông X, ông T, ông Đ và anh A đều xác định, tổng diện tích đất do anh A trực tiếp canh tác từ năm 2017 đến năm 2019 là 5.800m² thuộc ô bao do ông X cung cấp dịch vụ bơm nước tưới, tiêu. Ông X xác định, ông X đã thực hiện đúng theo thỏa thuận tại các Hợp đồng đã ký kết như nạo vét, gia cố, tu bổ hệ thống đường nước, cống đập, bể tưới, bể tiêu, bơm nước đúng theo lịch trình đảm bảo việc canh tác lúa cho các hộ dân. Đối với anh A, anh không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh có sự đồng ý và xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quản lý đất đai đồng ý cho anh A tự phục vụ việc bơm nước tưới tiêu trong sản xuất, canh tác lúa. Ngoài ra, anh A cũng không chứng minh được ông X đã vi phạm các Hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ bơm nước tưới, tiêu.

Theo thỏa thuận giữa ông X, Tổ hợp tác ấp 3 và các hộ dân thì ông X sẽ thu phí dịch vụ bơm nước vào cuối mùa vụ. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/7/2020, anh A xác định có trả tiền phí dịch vụ bơm nước cho ông X nhưng không xác định đã trả được bao nhiêu. Tuy nhiên, anh A không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2019, anh A đã trả tiền phí dịch vụ bơm nước cho ông X. Từ đó, có cơ sở xác định anh Nguyễn Văn A đã vi phạm nghĩa vụ trả phí dịch vụ bơm nước cho ông X theo quy định tại Điều 513, Điều 515, Điều 518 và Điều 519 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những phân tích nêu trên, ông Lê Trường X yêu cầu anh Nguyễn Văn A trả cho ông X phí dịch vụ bơm nước tưới, tiêu là 4.872.000 đồng (Bốn triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét ý kiến của anh Nguyễn Văn A đồng ý trả cho ông X phí dịch vụ bơm nước đối với diện tích 1.300m² mà anh A nhận có từ ông Huỳnh Văn T trong 06 mùa vụ.

Xét thấy, như phần phân tích nêu trên, ý kiến của anh Nguyễn Văn A là có căn cứ chấp nhận một phần.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trường X nên

anh Nguyễn Văn A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 117, Điều 513, Điều 515, Điều 518 và Điều 519 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trường X.

Buộc anh Nguyễn Văn A phải trả cho ông Lê Trường X số tiền phí dịch vụ bơm nước tưới, tiêu là 4.872.000 đồng (Bốn triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn A phải chịu án phí về dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Võ Văn Hồng Biên**